



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY LẬP VIỄN ĐÔNG

232 Đường 3 tháng 2, F.12, Q.10, TP.HCM

Tel : (08).38.682.684

Fax: (08).38.624.468

Email: info@vidoco.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM BÁO CÁO : 2012

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY LẬP VIỄN ĐÔNG
Tên viết tắt : VIDOCO
Trụ sở chính : 232 Đường 3/2, Phường 12, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 40.000.000.000 đ (Bốn mươi tỷ đồng)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÁNG 04 NĂM 2013

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Thành lập:

Công ty Cổ Phần Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông (tên viết tắt: **VIDOCO**) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103005701 ngày 12/12/2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.Hồ Chí Minh cấp.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự toán các công trình Bưu chính Viễn thông.
- Thiết kế phần thông tin liên lạc và Bưu chính Viễn thông trong công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thi công xây lắp các công trình Bưu chính Viễn thông – Tin học, hệ thống chống sét.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng & công nghiệp.
- Mua bán hàng điện, điện lạnh, điện tử, kim khí điện máy, cáp đồng, cáp quang, thiết bị vật liệu Bưu chính Viễn thông – Tin học.
- Đại lý ký gửi hàng hóa. Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì hệ thống thông tin liên lạc và Bưu chính Viễn thông – Tin học, hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp.
- Thẩm tra thiết kế, kiểm định chất lượng công trình xây dựng
- Tư vấn đấu thầu, xây dựng công trình cầu đường, công trình giao thông, công trình cấp thoát nước. Nạo vét công rãnh. Mua bán vật liệu xây dựng, ống nhựa, nhựa đường.
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Cho thuê máy móc, thiết bị cơ giới. Tái lập mặt đường.
- Khách sạn, trồng cây lâu năm, trồng rừng và chăm sóc rừng. Chuẩn vị mặt bằng. Xây dựng công trình kỹ thuật công nghiệp.
- Kinh doanh bất động sản

3. Định hướng phát triển:

a. Gia tăng thị phần dịch vụ Viễn thông : Đẩy mạnh công tác Tư vấn, thiết kế, xây lắp, cung cấp thiết bị, vật tư các công trình viễn thông – tin học; Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị viễn thông, mạng hàm công cấp, trạm BTS, mạng ngoại vi viễn thông.

b. Khu dân cư 61Ha xã Cửa cạn Phú Quốc : Đây là Dự án do Công ty cổ phần thiết kế xây lắp Viễn Đông làm chủ đầu tư. Dự án đang triển khai quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và sẽ hoàn thành trong năm 2013

c. Về tài chính: Hạn chế vay ngân hàng, sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có.

d. Về tổ chức:

- Tăng cường công tác điều hành sản xuất, cơ cấu lại bộ máy quản lý Công ty theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 - 2008.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đảm bảo hài hòa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân vì mục tiêu chung là phát triển Công ty một cách bền vững.
- Tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý và công nhân có trình độ tay nghề đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty hiện tại và trong tương lai.

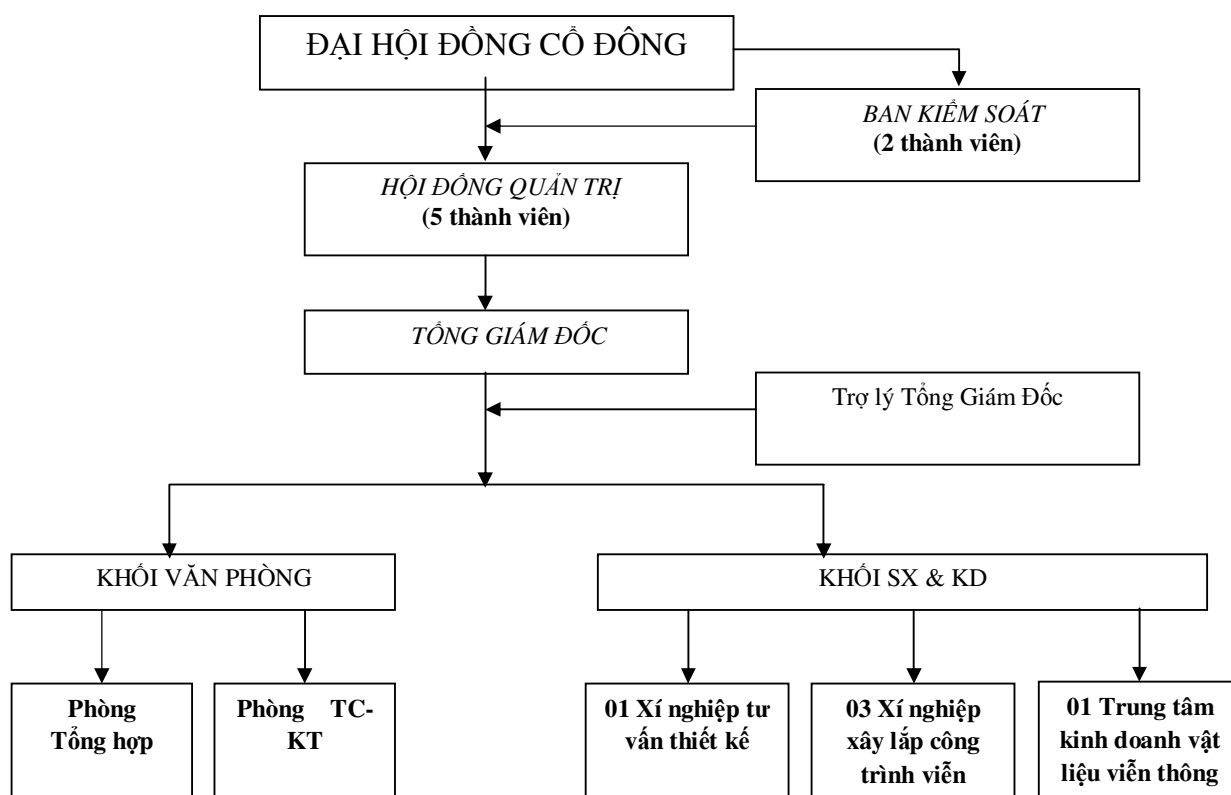
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu năm 2012 của công ty thấp hơn năm 2011 do ảnh hưởng của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan khác nhau. Sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh viễn thông tương đối bão hòa khiến cho doanh thu và lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra.

Chỉ tiêu	Năm 2012			Năm 2011	
	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện	% TH/KH năm	Thực hiện	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	30	22,96	76,5%	30,26	75,8%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	5	2,82	56,4%	5,07	55,6%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	4	2,25	56,2%	4,14	54,3%
Chi phí khấu hao tài sản (tỷ đồng)	0,5	0,45	90%	0,37	121,6%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	10	5	50%	10	50%

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty:



a. Khối văn phòng : Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổng hợp

b. Khối sản xuất và kinh doanh :

+ Trung tâm kinh doanh vật liệu viên thông

+ Xí nghiệp Tư vấn thiết kế

+ Xí nghiệp Xây lắp

3. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

▪ Hội đồng quản trị :

- Ông Phạm Đình Dũng Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ông Diệp Minh Thơ Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ông Lê Thiết Hùng Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ông Đặng Minh Hải Ủy viên Hội đồng quản trị

- Bà Nguyễn Thị Xinh Ủy viên Hội đồng quản trị

▪ Ban kiểm soát :

- Bà Trần Thị Phương Lan Trưởng Ban kiểm soát

- Bà Trần Thị Thùy Dung Ủy viên Ban kiểm soát

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: Theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, góp phần để sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đạt hiệu quả cao và tài chính luôn lành mạnh.

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: được tính trên thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên, thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm để xác định mức trích lập thù lao. Tổng số thù lao của HĐQT và BKS được phân bổ cho từng thành viên theo hệ số : Chủ tịch hệ số 3.0, thành viên HĐQT 2, Ban kiểm soát hệ số 2.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty: Tính đến thời điểm 31/03/2013, tổng số lao động của Công ty là 35 người. Trong đó: Lao động gián tiếp là: 7 người; Lao động trực tiếp là: 28 người.

b. Chính sách đối với người lao động:

- * Chính sách đào tạo:

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ; Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa học về ngoại ngữ, tin học, quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp hiện đại, các chế độ, chính sách của nhà nước..... Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

- * Chính sách tiền lương:

Công ty xây dựng quy chế về trả lương và phân phối tiền thưởng áp dụng thống nhất trong Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

- * Chính sách thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ, công nhân viên trong Công ty tăng năng suất và chất lượng công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

- * Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Công ty luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách về tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập

thể... Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn, hoặc hiếu hỷ. Các ngày Trung thu, ngày 1-6, ngày lễ, tết Công ty còn tặng quà cho con em CBCNV.

Ngoài việc được khám sức khỏe định kỳ, người lao động trong Công ty còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản, ốm đau...

5. Tình hình tài chính:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2011	NĂM 2012	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	51,462,054,317	47,213,273,310	- 8,3%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30,269,455,194	22,965,531,598	- 24,1%
3	Lợi nhuận khác	-167,530,777	-1,042,729	
4	Lợi nhuận trước thuế	5,073,690,794	2,820,932,112	- 44,4%
5	Lợi nhuận sau thuế	4,144,550,066	2,257,267,246	- 45,5%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,036	564	- 45,5%

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Kết quả hoạt động doanh sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2012			Năm 2011	
	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện	% TH/KH năm	Thực hiện	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	30	22,96	76,5%	30,26	75,8%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	5	2,82	56,4%	5,07	55,6%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	4	2,25	56,2%	4,14	54,3%
Chi phí khấu hao tài sản (tỷ đồng)	0,5	0,45	90%	0,37	121,6%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	10	5	50%	10	50%

2. Chỉ tiêu tài chính:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2011	NĂM 2012
-----	----------	-----	----------	----------

1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	16,89	17,45
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		83,11	82,55
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả /Tổng tài sản	%	11,23	7,24
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản		88,77	92,76
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,80	2,56
	- Khả năng thanh toán hiện hành		6,75	10,98
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất Lợi nhuận TT/ Tổng tài sản		9,86	5,97
	- Tỷ suất Lợi nhuận ST/ Doanh thu thuần	%	13,70	9,83
	- Tỷ suất Lợi nhuận ST/Nguồn vốn CSH		5,15	9,07
	- Tỷ suất Lợi nhuận ST/Vốn điều lệ		5,64	10,36

3. Những khó khăn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2012 :

- Tình hình kinh tế trong nước vẫn còn rất nhiều khó khăn: Thị trường bị thu hẹp do hạn chế đầu tư công của nhà nước trong đó có VNPT khách hàng chủ yếu của công ty.
- Thị trường cạnh tranh ngày càng cao đã kéo giá đầu ra xuống mức thấp.
- Giá các vật tư trong nước tăng từ 5% đến 20%.

4. Những tiến bộ và định hướng phát triển tương lai:

- Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành tổ chức sắp xếp tái cấu trúc lại bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn bộ máy phù hợp với việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty
- Năm 2013 tăng cường tiếp thị tư vấn, thiết kế, xây dựng công trình hầm công cáp, BTS, mạng ngoại vi
- Mở thêm lĩnh vực kinh doanh cơ sở hạ tầng Dự án ở Phú Quốc

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH năm 2012 đã kiểm toán

1. Bảng cân đối kế toán :

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2012	01/01/2012
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38,971,728,329	42,768,138,135
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,762,463,969	4,567,529,050
1. Tiền	111		762,463,969	567,529,050
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,000,000,000	4,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6,000,000,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	6,000,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4,390,968,633	9,570,065,691
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	2,276,483,784	6,000,713,713
2. Trả trước cho người bán	132		-	1,573,656,909
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2,114,484,849	1,995,695,069
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	24,406,276,944	24,564,684,108
1. Hàng tồn kho	141		24,406,276,944	24,564,684,108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,412,018,783	4,065,859,286
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	-	16,149,458
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1,412,018,783	4,049,709,828
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8,241,544,981	8,693,916,182
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		676,163,603	924,443,892

1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	676,163,603	924,443,892
- Nguyên giá	222		1,216,234,504	1,216,234,504
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(540,070,901)	(291,790,612)
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9	7,500,340,903	7,704,431,815
- Nguyên giá	241		8,163,636,364	8,163,636,364
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(663,295,461)	(459,204,549)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		65,040,475	65,040,475
1. Tài sản dài hạn khác	268		65,040,475	65,040,475
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		47,213,273,310	51,462,054,317

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3,419,837,968	5,781,336,155
I. Nợ ngắn hạn	310		3,419,837,968	5,732,419,155
1. Phải trả người bán	312	V.10	335,840,091	1,874,254,300
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	596,436,005	1,305,458,298
3. Phải trả người lao động	315		-	485,662,000
4. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	2,316,171,729	2,031,204,480
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		171,390,143	35,840,077
II. Nợ dài hạn	330		-	48,917,000
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	48,917,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43,793,435,342	45,680,718,162

I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	43,793,435,342	45,680,718,162
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40,000,000,000	40,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		902,965,570	902,965,570
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		558,671,309	558,671,309
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,331,798,463	4,219,081,283
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		47,213,273,310	51,462,054,317

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	22,965,531,598	30,269,455,194
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22,965,531,598	30,269,455,194
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17,010,703,426	21,276,370,256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,954,828,172	8,993,084,938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	736,466,116	130,225,449
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	145,059,723	651,000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>145,059,723</i>	
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,724,259,724	3,881,437,816
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,821,974,841	5,241,221,571
11. Thu nhập khác	31		16,418,959	-
12. Chi phí khác	32		17,461,688	167,530,777
13. Lợi nhuận khác	40		(1,042,729)	(167,530,777)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,820,932,112	5,073,690,794

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	563,664,866	929,140,728
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,257,267,246	4,144,550,066
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	564	1,036

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,820,932,112	5,073,690,794
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		452,371,201	369,394,638
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(736,466,116)	(130,217,214)
- Chi phí lãi vay	06		145,059,723	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2,681,896,920	5,312,868,218
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7,644,734,156	2,989,603,848
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		158,407,164	(1,600,984,913)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2,017,808,587)	1,085,044,934
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(145,059,723)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,233,459,396)	(967,992,879)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		947,541,266	1,014,246,074
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(768,337,861)	(1,409,968,571)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7,267,913,939	6,422,816,711

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(468,218,636)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6,000,000,000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	651,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	736,466,116	130,217,214
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(5,263,533,884)	(337,350,422)

2. Ý kiến kiểm toán:

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết Kế Xây Lắp Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan

Tp.HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2013

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHẠM ĐÌNH DŨNG

